

Lục Nam, ngày      tháng 11 năm 2025

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**  
**May trang phục y tế và đồ vải y tế năm 2025**

Kính gửi: Các đơn vị may đo tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Lục Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, phục vụ xây dựng giá dự toán gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện may trang phục y tế và đồ vải y tế năm 2025, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Lục Nam.
- Thông tin liên hệ của người nhận báo giá:
  - Họ và tên: Ông Nguyễn Bá Năm.
  - Chức vụ: Trưởng Phòng Tổ chức hành chính.
  - Số điện thoại: 0974 170 467
- Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Bộ phận văn thư hoặc Phòng Tổ chức hành chính thuộc Trung tâm Y tế Lục Nam - thôn Thân Phú, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh.
  - Nhận qua email: [vanthu.ttytlucnam@gmail.com](mailto:vanthu.ttytlucnam@gmail.com)
- Thời gian nhận báo giá: **Từ ngày đăng tải thư mời báo giá trên Cổng thông tin của đơn vị đến trước 17 giờ 00 phút ngày 12 tháng 11 năm 2025.**  
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu trong vòng **90 ngày** kể từ ngày báo giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục: *(có danh mục chi tiết kèm theo)*
- Yêu cầu hàng hóa và địa điểm cung cấp:
  - Yêu cầu chung: Toàn bộ hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất từ vật liệu bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện sử dụng tại cơ sở y tế, kiểu dáng và quy cách theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế quy định về trang phục y tế. Trang phục được may đo theo số đo của từng viên chức, người lao động thuộc Trung tâm Y tế Lục Nam.

- Giá báo giá phải là giá trọn gói, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí nhân công, in/thêu logo, vận chuyển và bàn giao tận nơi tại Trung tâm Y tế Lục Nam.

3. Yêu cầu đối với hồ sơ báo giá:

- Hồ sơ pháp lý chứng minh đơn vị cung cấp báo giá;
- Tài liệu kỹ thuật hoặc catalog mô tả sản phẩm, chất liệu, kiểu dáng hàng hóa báo giá (nếu có);
- Hợp đồng tương tự cung cấp hàng hóa báo giá trong thời gian không quá 12 tháng tính đến thời điểm báo giá (nếu có);
- Báo giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.
- Tài liệu khác (nếu có).

Trung tâm Y tế Lục Nam trân trọng kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm quan tâm, gửi báo giá theo đúng nội dung trên để Trung tâm có cơ sở tổng hợp, xây dựng giá dự toán gói thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thư mời báo giá này thay thế cho Thư mời báo giá ngày 03/10/2025 của Trung tâm Y tế Lục Nam về việc mời báo giá may trang phục y tế và đồ vải y tế năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng DS&TT (Đăng Website);
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Trí Quý**

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày      /11/2025 của Trung tâm Y tế Lục nam)

| STT | Danh mục hàng hóa               | Yêu cầu chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số Lượng |
|-----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     |                                 | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách                                                                                                                                                                                                                                                         |             |          |
| 1   | Bộ quần áo mỏng xanh size M     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải thô.</li> <li>- Thành phần, (35±8) % visco; (65±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 295±8, ngang 250±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m2) 155±9.</li> </ul>                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo cộc tay: Màu xanh cổ vịt, cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển trước ngực trái, in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư.</li> <li>- Quần cạp chun, túi chéo 2 bên.</li> </ul> | Bộ          | 100      |
| 2   | Bộ quần áo mỏng xanh size L     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải thô.</li> <li>- Thành phần, (35±8) % visco; (65±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 295±8, ngang 250±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m2) 155±9.</li> </ul>                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo cộc tay: Màu xanh cổ vịt, cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển trước ngực trái, in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư.</li> <li>- Quần cạp chun, túi chéo 2 bên.</li> </ul> | Bộ          | 100      |
| 3   | Bộ quần áo mỏng xanh size XL    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải thô.</li> <li>- Thành phần, (35±8) % visco; (65±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 295±8, ngang 250±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m2) 155±9.</li> </ul>                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo cộc tay: Màu xanh cổ vịt, cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển trước ngực trái, in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư.</li> <li>- Quần cạp chun, túi chéo 2 bên.</li> </ul> | Bộ          | 50       |
| 4   | Săng lố, kích thước 1,0m x 1,4m | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Kaki</li> <li>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m2) 200±5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải màu xanh két.</li> <li>- May 2 lớp, viền 4 xung quanh</li> <li>- Kích thước 1,0m x 1,4m</li> </ul>                                                                                                                  | Cái         | 50       |

| STT | Danh mục hàng hóa                  | Yêu cầu chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số Lượng |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     |                                    | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách                                                                                                                                        |             |          |
| 5   | Săng chải. Kích thước 1,8m x 2,0m  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Kaki</li> <li>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) 200±5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải màu xanh két.</li> <li>- May 2 lớp, viền 4 xung quanh</li> <li>- Kích thước 1,8m x 2,0m</li> </ul> | Cái         | 50       |
| 6   | Săng đôi. Kích thước 1,2m x 1,6m   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Kaki</li> <li>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) 200±5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải màu xanh két.</li> <li>- May 2 lớp, viền 4 xung quanh</li> <li>- Kích thước 1,2m x 1,6m</li> </ul> | Cái         | 50       |
| 7   | Săng phủ. Kích thước 1,8m x 2,0m   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Kaki</li> <li>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) 200±5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải màu xanh két.</li> <li>- May 2 lớp, viền 4 xung quanh</li> <li>- Kích thước 1,8m x 2,0m</li> </ul> | Cái         | 50       |
| 8   | Săng bố đê. Kích thước 0,4m x 0,4m | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Kaki</li> <li>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8,</li> </ul>                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải màu xanh két.</li> <li>- May 2 lớp, viền 4 xung quanh</li> <li>- Kích thước 0,4m x 0,4m</li> </ul> | Cái         | 210      |

| STT | Danh mục hàng hóa                | Yêu cầu chi tiết                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số Lượng |
|-----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     |                                  | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                              | Quy cách                                                                                                                                                     |             |          |
|     |                                  | ngang 210±8.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 200±5.<br>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9.                                                                                                                 |                                                                                                                                                              |             |          |
| 9   | Săng tám. Kích thước 0,8m x 0,8m | - Chất liệu vải Kaki<br>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.<br>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 200±5.<br>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9. | - Vải màu xanh két.<br>- May 2 lớp, viền 4 xung quanh<br>- Kích thước 0,8m x 0,8m                                                                            | Cái         | 260      |
| 10  | Váy sản phụ khoa                 | - Chất liệu vải Kaki<br>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.<br>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 200±5.<br>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9. | - Kiểu dáng: Váy liền thân, áo cổ tròn, có cúc giữa, tay dài, chiều dài váy qua gối 15cm.<br>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư                        | Cái         | 30       |
| 11  | Áo bác sĩ nội soi                | - Chất liệu vải Kaki<br>- Thành phần, (13±8) % bông; (87±8) % Polyester.<br>- Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 425±8, ngang 210±8.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 200±5.<br>- Độ bền kéo đứt (N) dọc 1885±9, ngang 840±9. | - Áo màu xanh cổ vệt, dài tay, may liền khẩu trang, áo dài quá gối 5-10cm, tay bo chun 6cm, có dây móc ngón tay.<br>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư | Cái         | 10       |

| STT | Danh mục hàng hóa                                          | Yêu cầu chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số Lượng |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     |                                                            | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |          |
| 12  | Trang phục bác sĩ                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Oxford</li> <li>- Thành phần, (30 ± 8) % (bông) cotton; (65 ± 8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc 280 ± 8, ngang 270 ± 8.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) 160 ± 8.</li> <li>- Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4 – 5. .</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.</li> <li>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư</li> <li>- 1.Áo: Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</li> <li>2.Quần: Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> </ul>                                | Bộ          | 143      |
| 13  | Trang phục điều dưỡng, y sĩ, hộ sinh, y tá, y tế công cộng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Oxford</li> <li>- Thành phần, (30 ± 8) % (bông) cotton; (65 ± 8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc 280 ± 8, ngang 270 ± 8.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) 160 ± 8.</li> <li>- Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4 – 5.</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.</li> <li>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư</li> <li>- 1. Áo: Kiểu dáng:</li> <li>- Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</li> <li>2. Quần: Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> </ul> | Bộ          | 211      |
| 14  | Trang phục dược sĩ                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Oxford</li> <li>- Thành phần, (30 ± 8) % (bông) cotton; (65 ± 8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc 280 ± 8, ngang 270 ± 8.</li> </ul>                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.</li> <li>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư</li> <li>- 1. Áo: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 28       |

| STT | Danh mục hàng hóa        | Yêu cầu chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số Lượng |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     |                          | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Quy cách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |          |
|     |                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) <math>160 \pm 8</math>.</li> <li>- Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4 – 5.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.<br>2. Quần: Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |          |
| 15  | Trang phục kỹ thuật viên | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải Oxford</li> <li>- Thành phần, (30 ± 8) % (bông) cotton; (65 ± 8) % Polyester.</li> <li>- Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc 280 ± 8, ngang 270 ± 8.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) <math>160 \pm 8</math>.</li> <li>- Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4 – 5.</li> </ul>                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.</li> <li>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư</li> <li>- 1. Áo: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> <li>2. Quần: Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> </ul>                                            | Bộ          | 48       |
| 16  | Trang phục hành chính    | 1. Áo vải sợi tre <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (37 ± 8) % polyester, (60 ± 8) % rayon, (3±8) % spandex.</li> <li>- Khối lượng (g/m<sup>2</sup>) <math>165 \pm 8</math>.</li> <li>- Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc 685 ± 5, ngang 410 ± 5.</li> <li>- Chỉ số sợi tách từ vải dọc (Ne) 47 ± 0,5/1, ngang 125±5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt dọc (N) 675 ± 5, ngang (N) 735 ± 5. .</li> </ul> 2. Quần vải tuytsi <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (97 ± 3) % polyester, (3 ±</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.</li> <li>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư</li> <li>- 1. Áo: Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa.</li> <li>2. Quần đối với nam; chân váy hoặc quần đối với nữ:</li> <li>- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> <li>- Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.</li> </ul> | Bộ          | 62       |

| STT | Danh mục hàng hóa | Yêu cầu chi tiết                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số Lượng |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     |                   | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                            | Quy cách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |          |
|     |                   | 1) % spandex.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 205±8,<br>- Mật độ sợi (sợi/10cm): dọc 450 ± 8, ngang 400 ± 8,<br>- Độ bền kéo đứt dọc (N) 1185 ± 5, ngang (N) 1035 ± 5.                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |          |
| 17  | Trang phục hộ lý  | - Chất liệu vải Oxford<br>- Thành phần, (30 ± 8) % (bông) cotton; (65 ± 8) % Polyester.<br>- Mật độ sợi: (Sợi/10cm) Dọc 280 ± 8, ngang 270 ± 8.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 160 ± 8.<br>- Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4 – 5. | - Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.<br>- Có in logo theo yêu cầu của chủ đầu tư<br>- 1. Áo: Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.<br>2. Quần: Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.         | Bộ          | 02       |
| 18  | Trang phục lái xe | Chất liệu vải kaki<br>- Thành phần, (13±8) % (bông); (87 ± 8) % Polyester.<br>- Mật độ sợi: (sợi/10cm) Dọc 435±8, ngang 210±8.<br>- Khối lượng (g/m <sup>2</sup> ) 205 ± 5.<br>- Độ bền kéo đứt dọc (N) 1885 ± 9, ngang (N) 850 ± 8.   | - Trang phục mùa đông, mùa hè may theo Thông tư 45/2015/TT BYT ngày 30/11/2015.<br>- Có logo theo yêu cầu của chủ đầu tư<br>1. Áo: Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.<br>2. Quần: Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. | Bộ          | 06       |

Tổng 18 khoản



TÊN NHÀ CUNG CẤP  
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢO GIÁ HÀNG HÓA

**Kính gửi: Trung tâm Y tế Lục Nam**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Lục Nam, chúng tôi..... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*].

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục yêu cầu báo giá theo quy định của pháp luật.

Căn cứ danh mục hàng hóa theo yêu cầu báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá chi tiết như sau:

| STT | Danh mục hàng hóa   | Yêu cầu chi tiết            |          | Hãng sản xuất/<br>Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá đã có VAT (đồng) | Thành tiền đã có VAT (đồng) |
|-----|---------------------|-----------------------------|----------|---------------------------|-------------|----------|--------------------------|-----------------------------|
|     |                     | Đặc tính, thông số kỹ thuật | Quy cách |                           |             |          |                          |                             |
| 1   |                     |                             |          |                           |             |          |                          |                             |
| 2   |                     |                             |          |                           |             |          |                          |                             |
| 3   |                     |                             |          |                           |             |          |                          |                             |
|     | <b>Tổng cộng:</b>   |                             |          |                           |             |          |                          |                             |
|     | <b>Bằng chữ:./.</b> |                             |          |                           |             |          |                          |                             |

**Ghi chú:** Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí khác có liên quan theo quy định của Nhà nước. Hàng hóa được bàn giao và nghiệm thu tại Trung tâm Y tế Lục Nam mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

\* Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày .....

\* Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

\* Gửi kèm báo giá là: Bản chụp Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị.

....., ngày .... tháng ..... năm 2025

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*